

Số: 930 /QĐ-UBND

Nông Cống, ngày 18 tháng 6 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v thu hồi đất xã Hoàng Sơn để thực hiện dự án: Phân kỳ đầu tư giai đoạn 1, đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn tỉnh Thanh Hoá theo hình thức BT, đoạn qua xã Hoàng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 3162/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 2941/QĐ-UBND ngày 09/9/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư GPMB thực hiện dự án đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn theo hình thức hợp đồng BT; Quyết định số 2118/QĐ-UBND ngày 07/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt điều chỉnh phương án phân kỳ đầu tư giai đoạn I dự án: Đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo hình thức hợp đồng BT; Quyết định số 2683/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ủy quyền quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn;

Xét phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn của Hội đồng GPMB;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Thu hồi 37.354,2 m<sup>2</sup> đất tại xã Hoàng Sơn để thực hiện dự án: Phân kỳ đầu tư giai đoạn 1, đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn tỉnh Thanh Hoá theo hình thức BT, đoạn qua xã Hoàng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. (Có phụ lục kèm theo)

Trong đó: - 187,65 m<sup>2</sup> đất cồn bãi  
- 37166,55 m<sup>2</sup> đất 2 lúa

**Điều 2.** Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện việc thu hồi đất cụ thể như sau:

1. Chủ tịch UBND xã Hoàng Sơn có trách nhiệm thông báo, giao Quyết định này cho các hộ gia đình có tên trong danh sách (phụ lục kèm theo); trường hợp các ông (bà) chủ hộ không nhận Quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản; niêm yết Quyết định này tại trụ sở UBND xã và nhà văn hóa thôn nơi có các hộ bị thu hồi đất sinh sống.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Hoàng Sơn xác định cụ thể vị trí, diện tích đất thu hồi ngoài thực địa; lập, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

3. Văn phòng UBND huyện có trách nhiệm đăng Quyết định này trên cổng thông tin điện tử của huyện Nông Cống.

4. Hội đồng GPMB có trách nhiệm lập hồ sơ kiểm kê bồi thường, hỗ trợ đất và tài sản trên đất phải thu hồi theo quy trình, quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Hội đồng GPMB, Chánh văn phòng HĐND & UBND huyện, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND xã Hoàng Sơn và các hộ gia đình có tên tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

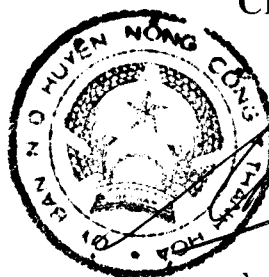
Nơi nhận:

- Như điều 3/QĐ;

- Lưu: VT, Pg TNMT

*WU*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



*Trần Văn Thuận*  
Trần Văn Thuận

**PHỤ LỤC**



Kính thưa Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thanh Hoá về việc thu hồi đất xã Hoàng Sơn để thực hiện dự án: Phân kỳ, đầu tư giai đoạn 1, đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn tỉnh Thanh Hoá theo hình thức BT, đoạn qua xã Hoàng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá

TT	Họ và tên	Thôn	Diện tích (m <sup>2</sup> )		Vị trí		Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Hộ gia đình	UBND xã	Tờ BĐ	Số thửa		
1	Lê Văn Khải	Thanh Liêm	655,44		13	313, 314, 340	2L	
2	Lê Văn Thơm	Thanh Liêm	422,5		13	315	2L	
3	Lê Văn Hòa	Thanh Liêm	343,36		13	316	2L	
4	Lê Thị Thông	Thanh Liêm	65		13	312	2L	
5	Lê Văn Định	Thanh Liêm	335,26		13	316	2L	
6	Lê Đức Sơn	Thanh Liêm	407,82		13	317	2L	
7	Lê Văn Phúc	Thanh Liêm	375,15		13	318	2L	
8	Lê Đình Tình	Thanh Liêm	212,92		13	334	2L	
9	Lê Tiến Chanh	Thanh Liêm	3		13	320	2L	
10	Lê Thị Cảnh	Thanh Liêm	10,68		13	339	2L	
11	Lê Thị Tri	Thanh Liêm	203,88		13	319	2L	
12	Lê Đức Khánh	Thanh Liêm	488,35		13	342	2L	
13	Hoàng Công Định	Thanh Liêm	60		13	345	2L	
14	Lê Thanh Loan	Thanh Liêm	172,73		13	343	2L	
15	Lê Công Thơ	Thanh Liêm	10,68		13	344	2L	
16	Đỗ Thị May	Thanh Liêm	694,96		13	346, 341	2L	
17	Lê Văn Hào	Thanh Liêm	581,56		13	347	2L	
18	Lê Đức Thân	Phú Quý	627,9		16	07, 08	2L	
19	Nguyễn Văn Thụ	Phú Quý	875,67		16	20, 21, 22	2L	
20	Nguyễn Thị Cấp	Phú Quý	871,52		16	24	2L	
21	Lê Văn Huấn	Phú Quý	487,73		16	25	2L	
22	Lê Thái Yên	Phú Quý	1088,22		16	98	2L	
23	Lê Thị Huệ	Phú Quý	654,96		16	99	2L	
24	Lê Viết Châu	Phú Quý	988,8		16	100	2L	
25	Lê Viết Sách	Phú Quý	355,14		16	101	2L	
26	Lê Thị Dinh	Phú Quý	32,3		16	102	2L	
27	Lê Công Thơ	Thanh Liêm	196,62		13	279	2L	
28	Lê Văn Thắng	Thanh Liêm	961,7		13	280	2L	
29	Lê Xuân Bi	Thanh Liêm	1318,63		13	90	2L	
30	Lê Ngọc Đức	Thanh Liêm	694,61		13	98	2L	
31	Lê Đức Liên	Thanh Liêm	338,63		13	97	2L	
32	Lê Thị Bút	Thanh Liêm	48,79		13	59	2L	
33	Lê Văn Hai	Thanh Liêm	414,07		13	236	2L	
34	Lê Văn Vượng	Thanh Liêm	17,92		13	101	2L	
35	Lê Đức Khiêm	Thanh Liêm	305,94		13	237	2L	
36	Lê Thị Lạc	Thanh Liêm	171,44		13	97	2L	

37	Lê Viết Sự	Thanh Liêm	691,25		13	91	2L	
38	Lê Đình Thiêm	Thanh Liêm	115,87		13	57	2L	
39	Lê Thị My	Thanh Liêm	263,97		13	100	2L	
40	Lê Xuân Chính	Thanh Liêm	10,66		13	87	2L	
41	Lê Đình Diễn	Thanh Liêm	736,15		13	88	2L	
42	Nguyễn Bá Quang	Yên Mô	29,35		10	513	2L	
43	Vũ Văn Thường	Yên Mô	924,69		10	512	2L	
44	Nguyễn Xuân Giao	Yên Mô	180,76		10	169	2L	
45	Nguyễn Bá Phú	Yên Mô	1179,15		10	193	2L	
46	Nguyễn Bá Chích	Yên Mô	2286,83		10	512, 170	2L	
47	Nguyễn Văn Trạch	Yên Mô	733,9		10	492	2L	
48	Lê Sỹ Thận	Yên Mô	46,15		10	480	2L	
49	Nguyễn Bá Tiếp	Yên Mô	771,72		10	415	2L	
50	Nguyễn Bá Hách	Yên Mô	9,06		10	413	2L	
51	Nguyễn Quốc Trình	Yên Mô	183,68		10	413	2L	
52	Lê Thị Vượng	Yên Mô	484,47		10	512	2L	
53	Lê Thế Thân	Yên Mô	270,28		10	512	2L	
54	Nguyễn Ba Lộc	Yên Mô	1171,49		10	420	2L	
55	Đỗ Văn Sơn	Yên Mô	1073,91		10	512	2L	
56	Lê Thế Độ	Yên Mô	171,41		10	421	2L	
57	Đỗ Bá Sự	Yên Mô	258,93		10	513	2L	
58	Nguyễn Bá Thường	Yên Mô	363,1		10	494	2L	
59	Nguyễn Bá Tú	Yên Mô	26,01		10	478	2L	
60	Đỗ Văn Trung	Yên Mô	492,28		10	188	2L	
61	Lê Nguyên Dũng	Yên Mô	1450,84		10	188	2L	
62	Trần Văn Tạo	Yên Mô	482,05		10	185	2L	
63	Lê Sỹ Thực	Yên Mô	365,79		10	305	2L	
64	Phạm Bá Phán	Yên Mô	256,35		10	305	2L	
65	Lê Thế Tùng	Yên Mô	1470,69		10	306	2L	
66	Trần Đức Thái	Yên Mô	125,6		10	434b	2L	
67	Nguyễn Bá Quý	Yên Mô	314,92		10	305	2L	
68	Nguyễn Bá Hạng	Yên Mô	409,85		10	305	2L	
69	Lê Văn Tình	Yên Mô	607,14		10	414	2L	
70	Nguyễn Bá Tĩnh	Yên Mô	478,49		10	477	2L	
71	Nguyễn Bá Thành	Yên Mô	3,04		10	415	2L	
72	Lê Văn Quang	Yên Mô	1464,67		10	513, 169	2L	
73	Lê Chí Thực	Yên Mô	490,06		13	61	2L	
74	UBND xã			187,65	16	09	Đất còn bãi	
75	UBND xã			1278,11	14, 16	913, 102, 103	2L	
	<b>Tổng</b>		<b>35888,44</b>	<b>1465,76</b>				